

Bản án số: 101/2020/ DS-PT  
Ngày: 12/5/2020  
*V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Viết Văn.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thuý;

Ông Mai Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quản Việt Phương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 122/2020/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2019/ DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐ-PT ngày 03/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐPT-HPT ngày 23/3/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 196/2020/ TB-TA ngày 27/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Việt K, sinh năm 1998;

Anh Lê Quang M, sinh năm 1989;

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Khoa và anh Minh:* Bà Đỗ Thị Nguyệt, sinh năm 1962. (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1681/2017/HĐUQ ngày 27/5/2017 tại Văn phòng công chứng Gia Lâm, thành phố Hà Nội).

Cùng có HKTT: P2108 tầng 21-71 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Chỗ ở hiện nay: P104 Nhà D1 tập thể Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1954;

Trú tại: Đội 8, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Đặng Thị Yến, sinh năm 1954 (vợ ông Ngọc Anh);

2/ Anh Lê Xuân Tùng, sinh năm 1981 (con trai ông Ngọc Anh);

3/ Chị Trần Hải Yến, sinh năm 1984 (vợ anh Tùng- con dâu ông Ngọc Anh);

Cùng trú tại: Đội 8, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Yến, anh Tùng, chị Trần Hải Yến là ông Lê Ngọc A, sinh năm 1954. (Theo Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 25/11/2019).*

4/ Ông Lê Quang Nhật, sinh năm 1964.

Trú tại: P 201 K4, tập thể Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

5/ Bà Lê Minh Hằng, sinh năm 1967.

Trú tại: Số 07/1 Ngõ Toàn Thắng, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6/ Bà Lê Thị Thúy Nga, sinh năm 1970.

Trú tại: Số 5B, ngõ 61/10/2015 phố Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

7/ Anh Lê Hải Long, sinh năm 1995.

Trú tại: Số 74, ngõ 151 B Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

8/ Bà Đỗ Thị Nguyệt, sinh năm 1962.

Nơi đăng ký HKTT: P2108 tầng 21-71 Nguyễn Trí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: P104 Nhà D1 tập thể Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang Nhật, bà Lê Minh Hằng, bà Lê Thị Thúy Nga, ông Lê Hải Long là: Bà Đỗ Thị Nguyệt, sinh năm 1962. HKTT: P2108 tầng 21-71 Nguyễn Trí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 3420-19 ngày 6/6/2019 và Hợp đồng ủy quyền số 3421-19 ngày 6/6/2019 tại Văn phòng công chứng số 1 thành phố Hà Nội.*

9/ Cháu Lê Chi Lâm, sinh ngày 06/11/2006 (con ông Dũng, bà Hương);

10/ Cháu Lê Chi Lan, sinh ngày 06/11/2010 (con ông Dũng, bà Hương);

*Do ông Lê Tiến Dũng, sinh năm 1963, đã chết năm 2014 nên người đại diện theo pháp luật cho hai cháu Lê Chi Lâm, Lê Chi Lan là mẹ đẻ: Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1982.*

Cùng đăng ký HKTT tại: P10-K4 phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: số 10, ngõ 88, phố Giáp Nhị, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

11/ Ủy ban nhân dân xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;  
Địa chỉ: xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Văn Kiên - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đa Tốn.

*Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:*

Ông Đỗ Văn Tổng - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã Đa Tốn.

Ông Nguyễn Thế Vượng - Chức vụ: Công chức tư pháp - hộ tịch xã Đa Tốn.

Theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

*- Người làm chứng:*

1/ Ông Lâm Văn Quang, sinh năm 1976;

Trú tại: Tổ 15, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2/ Ông Ngô Thành Ba, sinh năm 1977;

Trú tại: Số 17, ngõ 179/169 phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3/ Ông Trần Minh Hoàng, sinh năm 1977;

Trú tại: Thôn Thuận Tốn, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

4/ Ông Nguyễn Quốc Đạt, sinh năm 1971

Trú tại: Thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

5/ Ông Nguyễn Văn Tấn, sinh năm 1971;

Trú tại: thôn Khoan tế, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo, ông Lê Ngọc A là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án dân sự sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:***

- Về quan hệ huyết thống: Cụ Lê Sinh Đỗ, sinh năm 1936, chết ngày 25/7/2015. Sinh thời cụ Đỗ có hai vợ: Vợ thứ nhất là cụ Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1932, chết ngày 23/5/2007; vợ thứ 2 là cụ Đỗ Thị Kim Nghi, sinh năm 1938, chết ngày 30/9/2003.

\* Cụ Lê Sinh Đỗ và cụ Nguyễn Thị Thanh sinh được 02 người con:

1. Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1954; Hiện đang trú tại: Đội 8, thôn Đào Xuyên,

xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

2. Ông Lê Sinh Vương, sinh năm 1960, chết ngày 15/01/2016. Có vợ là Đỗ Thị Nguyệt, sinh năm 1962, có 02 con là Lê Việt K, sinh năm 1998, Lê Quang M, sinh năm 1989. Hiện nay bà Nguyệt, anh Khoa, anh Minh đăng ký HKTT tại: P2108 tầng 21-71 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; chỗ ở hiện nay: P104 Nhà D1 tập thể Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

\* Cụ Lê Sinh Đỗ và cụ Đỗ Thị Kim Nghi sinh được 04 người con:

1. Ông Lê Tiến Dũng, sinh năm 1963, chết năm 2014. Có hai vợ:

+ Vợ thứ nhất: Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1966 (đã ly hôn);

Ông Dũng, bà Thủy có 01 con chung là Lê Hải Long, sinh năm 1997, hiện nay đang ở: Số 74, ngõ 151B, Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội;

+ Vợ thứ hai: Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1982, đã ly hôn năm 2010;

Ông Dũng và bà Hương có hai con chung là: Lê Chi Lâm, sinh ngày 06/11/2006 và Lê Chi Lan, sinh ngày 06/11/2010 hiện đang sinh sống tại: P10-K4 phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Ông Lê Quang Nhật, sinh năm 1964. Hiện nay đang ở P 201 K4, tập thể Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. Bà Lê Minh Hằng, sinh năm 1967, hiện đang ở: Ngõ Toàn Thắng, Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Bà Lê Thị Thúy Nga, sinh năm 1970, hiện đang ở: ngõ 61/10/2015 phố Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Về nguồn gốc tài sản tranh chấp chia thừa kế: Nguồn gốc đất là do bố mẹ để lại cho cụ Lê Sinh Đỗ có diện tích 476m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 07, vị trí đất tại đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Theo hồ sơ quản lý địa chính tại xã Đa Tốn thì chủ sử dụng là cụ Nguyễn Thị Thanh (mẹ ông Lê Ngọc A và ông Lê Sinh Vương). Hiện nay thửa đất vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông Lê Ngọc A cùng vợ con đang sử dụng thửa đất này.

Năm 2016, huyện Gia Lâm thu hồi 6m<sup>2</sup> đất để phục vụ công tác mở đường Dương Xá - Đa Tốn, có hỗ trợ bồi thường gần 50 triệu đồng. Số tiền này do ông Lê Ngọc A trực tiếp nhận quản lý, sử dụng. Nay nguyên đơn không có yêu cầu gì về số tiền này và nhất trí để ông Anh được toàn quyền sử dụng.

Khi cụ Đỗ và cụ Thanh còn sống vào ngày 10/4/2006, hai cụ đã lập Bản di chúc có xác nhận của chính quyền địa phương, phân chia đất đai cho ông Lê Ngọc A và ông Lê Sinh Vương. Theo bản di chúc chung của hai cụ, phân chia cho ông Lê Sinh Vương được 120m<sup>2</sup>, để ngõ đi chung ra lối đi của thửa đất để đi ra đường thôn, phần đất còn lại giao cho ông Anh là 348,8m<sup>2</sup>. Sau khi cụ Thanh chết, nhiều

lần ông Vương đề nghị ông Ngọc Anh cắt chia cho một phần đất như ý nguyện của bố mẹ, nhưng ông Ngọc Anh không đồng ý. Do nói ông Ngọc Anh không được, vì vậy đến năm 2015, cụ Đỗ đã lập Di chúc lần 2, sửa đổi nội dung di chúc ngày 10/4/2006. Theo nội dung Bản di chúc lập ngày 02/6/2015, cụ Đỗ đã sửa đổi lại là toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ sẽ thừa kế cho bà Đỗ Thị Nguyệt và ông Lê Sinh Vương. Hai Bản di chúc này bà Nguyệt đã sao chứng thực gửi kèm theo đơn khởi kiện. Toàn bộ bản gốc của cả hai bản di chúc hiện nay bà Nguyệt đang giữ. Toàn bộ nội dung hai bản di chúc này ông Ngọc Anh đã được thông báo trong quá trình hòa giải tại UBND xã Đa Tốn, nhưng ông Ngọc Anh không thực hiện theo di chúc của bố mẹ để lại. Ông Ngọc Anh có ý kiến rằng trước đây ông đã được bố mẹ cho toàn bộ thửa đất này, chỉ nói mồm không lập thành văn bản, việc ông Ngọc Anh trình bày như vậy là không có căn cứ vì nếu đã cho ông rồi sao các cụ lại còn lập di chúc phân chia tài sản cho ông Ngọc Anh và ông Vương như nội dung thể hiện trong hai bản di chúc để lại. Tháng 01/2016 chồng bà Nguyệt là Lê Sinh Vương đã chết, ông Ngọc Anh càng coi thường mẹ con bà Nguyệt nên ông Ngọc Anh càng gây khó khăn cho mẹ con bà Nguyệt.

Do trong gia đình không thống nhất thực hiện theo di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh để lại. Mẹ con bà Nguyệt đã nhiều lần về gặp xin ông Ngọc Anh để giữ tình cảm gia đình, nhưng ông Ngọc Anh một mực không nghe, không chia cho các cháu phần đất nào. Bà Nguyệt yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án chia thừa kế theo di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh để lại:

- Di chúc do cụ Đỗ và cụ Thanh lập ngày 10/4/2006 có nội dung: Cụ Đỗ và cụ Thanh có thửa đất số 64, tờ bản số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm. Cụ Thanh và cụ Đỗ thống nhất cho ông Lê Sinh Vương được thừa kế 120m<sup>2</sup>, còn ông Lê Ngọc A được thừa kế 348,8m<sup>2</sup> (phần ngõ đi chung phía trong 7,2m<sup>2</sup>).

- Di chúc do cụ Đỗ lập ngày 02/6/2015: Sửa phần di chúc ngày 10/4/2006; cụ thể: Toàn bộ tài sản của cụ Đỗ là quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 64, tờ bản số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm để lại thừa kế cho bà Đỗ thị Nguyệt và ông Lê Sinh Vương.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyệt có yêu cầu Tòa án chia số diện tích đất nông nghiệp và phần tiền bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp là di sản của cụ Thanh để lại. Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý yêu cầu bổ sung này ngày 23/3/2018. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyệt xin rút toàn bộ yêu cầu này. Đây là sự tự nguyện của bà Nguyệt.

Về diện tích đất thổ cư có chênh lệch về diện tích đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

***Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc Anh trình bày:***

- Về quan hệ huyết thống: Bố của ông là cụ Lê Sinh Đỗ, sinh năm 1936, chết năm 2015; mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1933, chết năm 2007. Bố mẹ ông sinh được hai người con là ông- Lê Ngọc A và em trai của ông là Lê Sinh Vương, sinh năm 1960 chết năm 2016. Anh Lê Sinh Vương có vợ là Đỗ Thị Nguyệt và hai con là Lê Việt K, Lê Quang M. Hiện mẹ con bà Nguyệt đang trú tại phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Về các thành viên của gia đình ông Anh gồm: Ông Anh, vợ là Đặng Thị Yên, sinh năm 1954, có 03 người con là cháu Lê Việt Hùng, sinh năm 1979, cháu thứ 2 Lê Xuân Tùng, sinh năm 1981, cháu thứ 3 Lê Minh Tâm, sinh năm 1983. Hiện nay đang ở trên thửa đất tranh chấp có ông Anh, bà Yên, anh Tùng cùng vợ anh Tùng là chị Trần Thị Hải Yên, sinh năm 1984 và các con anh Tùng, chị Yên. Chị Yên về làm dâu gia đình ông và sống trên mảnh đất này từ năm 2012. Anh Hùng thoát ly từ năm 1999 hiện đang sống tại: Số 10 đường Trường Sơn, Khu 510, thành phố Nha Trang. Chị Tâm lập gia đình và về nhà chồng sống từ năm 2010, chỗ ở thôn Hội Am, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, bố ông Anh còn có vợ hai là cụ Đỗ Thị Nghi, cụ Nghi và bố ông sinh được 04 người con, ông chỉ biết họ tên, không biết chính xác năm sinh, chỗ ở, vợ chồng con cái của họ thế nào; nếu muốn yêu cầu cung cấp thông tin thì yêu cầu nguyên đơn cung cấp. Ông Anh chỉ có thông tin của 04 người là:

Con lớn là Lê Tiến Dũng, đã chết năm 2014. Vợ và các con ông Dũng, ông không biết chính xác.

Con thứ hai là Lê Quang Nhật, hiện nay còn sống.

Con thứ ba là Lê Minh Hằng, hiện nay còn sống.

Con thứ tư là Lê Thị Thúy Nga, hiện nay còn sống.

- Về nguồn gốc tài sản tranh chấp chia thừa kế: Nguồn gốc đất là do các cụ để ra bố ông để lại cho bố mẹ ông là cụ Đỗ và cụ Thanh.

Khi ông lớn nhận thức được, cụ Đỗ đã sinh sống ở chỗ khác với cụ Nghi còn địa chỉ cụ thể như thế nào ông không biết. Đến năm 1971, ông đến chỗ làm của bố ông nói chuyện động viên cụ Đỗ mới về nhà. Từ năm 1964, toàn bộ thửa đất số 64, tờ bản đồ số 07 tại đội 8A thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm diện tích 476m<sup>2</sup> đứng tên bà Thanh quản lý sử dụng. Ông Anh chính thức quản lý sử dụng, tôn tạo và chịu mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước từ năm 1988. Hiện nay thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Thanh. Trên đất hiện có 01 ngôi nhà cấp 4 gồm 4 gian xây năm 1976 do ông cùng mẹ là Nguyễn Thị Thanh xây dựng, 01 nhà 2 tầng xây năm 2008 do vợ chồng ông xây, các công trình còn lại đều do ông xây dựng tôn tạo, đổ đất; tôn tạo kè bờ ao phía Tây Nam của thửa đất vào năm 1991.

Từ năm 1988, ông được giao quản lý đất, khi đó ông Vương đã đi thoát ly không hề đóng góp công sức tôn tạo, quản lý gì đối với thửa đất này.

Năm 2017, huyện Gia Lâm thu hồi 6m<sup>2</sup> đất để phục vụ công tác mở đường Dương Xá - Đa Tốn, có hỗ trợ bồi thường gần 50 triệu đồng. Số tiền này do ông trực tiếp nhận, quản lý sử dụng.

Toàn bộ việc ma chay của cụ Thanh do ông là người đứng lên có sự hợp tác cùng tham gia của cụ Đỗ và các em. Việc ma chay của cụ Đỗ do các em tổ chức tang lễ tại số 125 Phùng Hưng. Gia đình ông cũng có mặt viếng cụ Đỗ còn tổ chức tang lễ là do các em thực hiện và đi hỏa táng, ông về tổ chức tang lễ cho ông Đỗ tại quê nhà Đa Tốn, Gia Lâm.

Diện tích 476m<sup>2</sup> đất do bố mẹ ông để lại, khi còn sống bố mẹ ông đã giao trách nhiệm cho ông toàn quyền quản lý sử dụng và chịu nghĩa vụ hàng năm với Nhà nước từ năm 1988. Việc giao đất cho ông, bố mẹ ông chỉ nói miệng không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến việc giao đất này. Từ năm 1988 đến nay không có tranh chấp gì.

Đối với 02 di chúc lập ngày 10/4/2006 và di chúc ngày 02/06/2015, ông không biết. Theo ông hai di chúc này không đúng theo quy định của pháp luật vì đất đã giao cho ông toàn quyền rồi.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của anh Khoa và anh Minh, ông không nhất trí vì toàn bộ thửa đất này bố mẹ ông đã giao cho ông từ năm 1988, đến nay ông vẫn quản lý sử dụng; ông không đồng ý chia.

Đối với phần diện tích đất sau khi kiểm tra xem xét thẩm định tại chỗ có nhiều hơn so với diện tích đất theo trích lục bản đồ. Thực tế diện tích bao nhiêu ông không biết, giữa gia đình ông với các hộ liên kề không có tranh chấp gì, các hộ liên kề đã xây dựng nhà cửa và tường rào ổn định từ rất nhiều năm, các hộ liên kề đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn riêng gia đình ông chưa được cấp do có tranh chấp nội bộ trong gia đình.

Ông khẳng định lại: Về đất thổ cư thể hiện tại bản đồ qua các thời kỳ đo vẽ vẫn đứng tên cụ Nguyễn Thị Thanh, diện tích đất này hiện nay vẫn chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực tế ông đã toàn quyền sử dụng từ năm 1988, hàng năm vẫn làm nghĩa vụ thuế đầy đủ, các hộ liên kề không có tranh chấp, xung quanh hàng xóm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã được UBND huyện Gia Lâm bồi thường giải phóng mặt bằng thu hồi 6m<sup>2</sup> mở đường năm 2017 và bồi thường gần 50 triệu đồng. Căn cứ theo Luật đất đai, ông thấy rằng ông có toàn quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất thổ cư này.

Hiện nay anh Minh và anh Khoa khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh đó là quyền của anh Minh và anh Khoa, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đặng Thị Yến (vợ ông Ngọc Anh) trình bày: Nhất trí như ý kiến của chồng bà đã trình bày.

2/ Anh Lê Xuân Tùng (con trai ông Ngọc Anh) trình bày: Anh nhất trí như ý kiến của bố anh đã trình bày.

3/ Chị Trần Hải Yến trình bày: Chị là con dâu ông Lê Ngọc A và bà Đặng Thị Yến. Sau khi kết hôn chị sống cùng chồng trên thửa đất đang tranh chấp từ năm 2012 đến nay. Từ khi về sống thì đã có nhà và hiện trạng đất như hiện nay, chị không có công sức, đóng góp tôn tạo gì. Về nguồn gốc đất tranh chấp chị không nắm được gì. Nay xảy ra tranh chấp giữa anh Minh, anh Khoa và bố chị là ông Ngọc Anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4/ Ông Lê Quang Nhật trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Bố ông là Lê Sinh Đỗ, chết năm 2015. Bố ông có hai vợ, bà cả là Nguyễn Thị Thanh chết năm 2007 và mẹ ông là bà hai Đỗ Thị Kim Nghi, chết năm 2003. Bố ông và cụ Thanh sinh được hai người con là ông Lê Ngọc A và ông Lê Sinh Vương. Ông Vương đã chết, có vợ là bà Đỗ Thị Nguyệt và hai con là Lê Việt K và Lê Quang M. Bố ông và mẹ ông sinh được 4 người con gồm: Lê Tiến Dũng, chết năm 2014, có vợ là Ngô Bích Thủy đã ly hôn và có 01 con chung là Lê Hải Long, sinh năm 1995, ông là Lê Quang Nhật, bà Lê Thị Hằng và bà Lê Thị Thúy Nga. Bố mẹ ông không có con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp hiện nay là của bố ông được hưởng của ông bà nội của ông để lại. Sau khi lấy mẹ ông thì nhà đất của bố ông để lại cho cụ Thanh quản lý, sử dụng còn bố ông sống cùng mẹ ông ở Hà Nội. Anh chị em của ông cùng sinh ra và lớn lên ở Hà Nội. Khi còn sống, bố ông vẫn thường xuyên về Đa Tốn vì ông bà nội ông khi đó vẫn còn sống. Ông không biết đất bố ông được ông bà nội chia cho bao nhiêu và chia cho từ bao giờ, chỉ biết khi lấy mẹ ông, bố ông và cụ Thanh đã làm nhà ở ổn định. Anh chị em của ông hàng năm vẫn qua lại về nhà đất của bố ông. Cụ Thanh coi anh em ông như con cái và mẹ ông cũng coi hai con riêng của bố ông với bà Thanh như vậy. Khi cụ Thanh, mẹ ông và bố ông chết 06 người con đều để tang, cùng nhau lo ma chay, giỗ tết không có điều tiếng gì. Trước khi chết bố ông có nói chuyện là nhà đất ở Đa Tốn sẽ để lại cho ông Vương và ông Ngọc Anh, ông chỉ nghe bố ông nói như vậy còn có lập di chúc hay không thì ông không rõ. Sau khi cụ Thanh mất, bố ông nói lại thay đổi một phần di chúc của bố ông với cụ Thanh vì khi đó ông Ngọc Anh đối xử với bố ông không tốt, không muốn thực hiện di chúc của bố ông là chia đất của bố ông cho ông Vương nên bố ông mới sửa lại di chúc. Ông chỉ biết khi sửa lại di chúc bố ông đã yếu đang điều trị ở bệnh viện nhưng tinh thần vẫn rất minh mẫn, không bị lẫn. Cụ thể, bố ông lập di chúc năm nào ông không rõ. Việc bố ông lập di chúc



định đoạt tài sản của bố ông ở Đa Tôn, mẹ ông cũng biết và không có ý kiến gì vì mẹ ông cho rằng nhà đất của bố ông với cụ Thanh thì con của bố ông với con của cụ Thanh được hưởng mẹ ông không can thiệp.

Việc quản lý đất của cụ Thanh với ông Ngọc Anh thế nào ông không quan tâm. Ông chỉ biết hiện trên đất vẫn còn nhà của bố ông với cụ Thanh xây dựng. Quá trình sử dụng vợ chồng ông Ngọc Anh có xây dựng thêm một số công trình trên đất như hiện nay. Khi ông Vương lấy vợ, thời gian đầu có thấy vợ chồng ông Vương ở cùng cụ Thanh và vợ chồng ông Ngọc Anh. Sau đó, thấy vợ chồng ông Vương không ở trên nhà đất, chỉ còn cụ Thanh cùng vợ chồng con cái ông Ngọc Anh ở trên đó. Ông chưa bao giờ nghe nói cụ Thanh cho nhà đất đang tranh chấp cho ông Ngọc Anh. Ông chưa bao giờ sinh sống tại nhà đất này do vậy không có công sức đóng góp gì vào nhà đất đang tranh chấp.

Nay xảy ra tranh chấp, ông mong muốn anh em hòa giải nếu không được thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết thừa kế theo di chúc của bố ông và cụ Thanh vì đây là ý nguyện của người đã chết. Ông không có ý kiến hay tranh chấp đòi hỏi gì đối với nhà đất này. Nếu được hưởng tài sản thừa kế theo pháp luật, ông cũng từ chối không nhận gì.

5/ Bà Lê Minh Hằng trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình quản lý sử dụng đất đúng như trình bày của ông Lê Quang Nhật. Bà chưa bao giờ sinh sống tại nhà đất này do vậy không có công sức đóng góp gì vào nhà đất đang tranh chấp.

Nay xảy ra tranh chấp, bà mong muốn anh em hòa giải nếu không được thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết thừa kế theo di chúc của bố bà và cụ Thanh vì đây là ý nguyện của người đã chết. Bà không có ý kiến hay tranh chấp đòi hỏi gì đối với nhà đất này. Nếu được hưởng tài sản thừa kế theo pháp luật, bà cũng từ chối không nhận gì.

6/ Bà Lê Thị Thúy Nga trình bày:

Về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình quản lý sử dụng đất đúng như trình bày của ông Lê Quang Nhật.

Bà Nga bổ sung thêm nội dung, bố bà là cụ Đỗ và mẹ bà là cụ Nghi đã chung sống với nhau từ năm 1960, đến năm 1962 sinh con đầu lòng là Lê Minh Đức, sau khi sinh được hai tháng thì mất. Đến năm 1963 thì sinh tiếp ông Lê Tiến Dũng. Bà chưa bao giờ sinh sống tại nhà đất này do vậy không có công sức đóng góp gì vào nhà đất đang tranh chấp.

Nay xảy ra tranh chấp, bà mong muốn anh em hòa giải nếu không được thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết thừa kế theo di chúc của bố bà và cụ Thanh. Nếu được hưởng thừa kế do cụ Đỗ, cụ Thanh, cụ Nghi để lại, bà từ chối không nhận

bất cứ kỷ phần nào được hưởng mà giao lại cho ông Ngọc Anh và ông Vương giải quyết.

7/ Anh Lê Hải Long trình bày:

Bố của anh là ông Lê Tiến Dũng, đã chết năm 2014, bố anh đã ly hôn mẹ anh là bà Ngô Bích Thủy vào năm 2003. Sau khi bố mẹ anh ly hôn, anh còn nhỏ ở với mẹ anh. Anh không quan tâm đến việc chia thừa kế hay tranh chấp đất đai. Anh không có ý kiến hay đòi hỏi gì đối với nhà đất này. Anh từ chối mọi kỷ phần thừa kế nếu được hưởng theo quy định của pháp luật.

8/ Bà Nguyễn Thị Hương trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Tiến Dũng. Về huyết thống của gia đình ông Dũng bà không nắm được tên tuổi và địa chỉ chỗ ở hiện nay thế nào. Từ trước đến nay tài sản của gia đình ông Dũng bà không biết, bà không liên quan gì, không có công sức đóng góp gì. Bà đề nghị được từ chối không tham gia tố tụng và các quyền lợi liên quan, từ chối không nhận quyền lợi gì.

9/ Đại diện UBND xã Đa Tốn có ý kiến:

Về quan hệ huyết thống gia đình cụ Đỗ, cụ Thanh do các con của cụ cung cấp.

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình cụ Đỗ để lại cho vợ chồng cụ Đỗ và cụ Thanh sử dụng. Hai cụ xây nhà, sinh con và sinh sống trên đất đó. Khi cụ Đỗ sinh sống với vợ hai từ khoảng năm 1960- 1961 thì chuyển sang bên Hà Nội sinh sống chỉ khi nào có công việc thì mới về Đa Tốn. Nhà đất cụ Thanh vẫn ở cùng các con quản lý sử dụng. Gia đình ông Ngọc Anh thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Hiện các thành viên gia đình ông Ngọc Anh đang sinh sống trên thửa đất gồm vợ chồng ông Ngọc Anh; vợ chồng và con anh Tùng.

Về diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế so với trích lục bản đồ tăng 77,4m<sup>2</sup> là do sai số khi đo vẽ bản đồ qua các thời kỳ và tính cả diện tích lối đi. Hiện mốc giới sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp gì, các hộ liên kề đều đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, phần đất thừa có thể xem xét chia thừa kế toàn bộ diện tích và nếu không có tranh chấp, sử dụng ổn định thì đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về việc cụ Đỗ và cụ Thanh lập Bản di chúc phân chia đất ngày 10/4/2006 có xác nhận của Chủ tịch UBND xã là ông Trần Đức Điền, hiện nay ông Điền đã nghỉ hưu, địa phương không biết về Bản di chúc này.

Về phần đất thu hồi năm 2016 của gia đình ông Ngọc Anh là 6m<sup>2</sup> và lập danh sách bồi thường là địa phương lập theo đại diện hộ gia đình.

Do điều kiện bận nên đại diện UBND xã Đa Tốn đề nghị được xét xử vắng mặt.

**\*Những người làm chứng cung cấp ý kiến:**

**1/ Ông Lâm Văn Quang trình bày:**

Cụ Lê Sinh Đỗ bị bệnh phải nằm điều trị bệnh không đi lại được nên chiều ngày 02/6/2015, tại Bệnh viện hữu nghị Việt Xô, địa chỉ số 1 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, cụ Đỗ đã đề nghị ông là Lâm Văn Quang và ông Ngô Thành Ba có mặt để ghi chép lại ý chí cuối cùng của cụ Đỗ. Tại đây, cụ Đỗ cung cấp cho các ông Bản di chúc do vợ chồng cụ Đỗ lập ngày 10/4/2006 có nội dung phân chia quyền sử dụng đất thừa số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại: Đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm cho ông Lê Ngọc A và ông Lê Sinh Vương. Đến ngày 02/6/2015, cụ Đỗ trong trạng thái tinh thần minh mẫn, cụ tự nguyện lập di chúc sửa đổi nội dung di chúc lập ngày 10/4/2006 cụ thể: Toàn bộ phần quyền sử dụng đất của cụ Đỗ trong khối tài sản chung là đất thừa số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại Đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm cụ Đỗ để lại thừa kế cho bà Đỗ Thị Nguyệt và ông Lê Sinh Vương. Các ông với tư cách là người làm chứng đã ghi chép lại ý chí cuối cùng của cụ Đỗ bằng hình thức đánh máy. Sau khi ghi chép lại ý nguyện của cụ Đỗ, ông Ba là người trực tiếp đi in bản di chúc và mang vào Bệnh viện đọc lại nguyên văn cho cụ Đỗ nghe và cụ Đỗ đã đồng ý ký, điểm chỉ vào Bản di chúc dưới sự chứng kiến của hai người làm chứng, sau đó bản di chúc được đem đến UBND xã Đa Tốn chứng thực theo quy định.

Việc ghi chép lại ý nguyện cuối cùng của cụ Lê Sinh Đỗ là hoàn toàn khách quan, giữa các ông với gia đình cụ Đỗ không có quan hệ họ hàng với nhau.

**2/ Ông Ngô Thành Ba trình bày:**

Cụ Lê Sinh Đỗ bị bệnh phải nằm điều trị bệnh không đi lại được nên chiều ngày 02/6/2015, tại Bệnh viện hữu nghị Việt Xô, địa chỉ: số 1 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, cụ Đỗ đã đề nghị ông là Ngô Thành Ba và ông Lâm Văn Quang có mặt để ghi chép lại ý chí cuối cùng của cụ Đỗ. Tại đây, cụ Đỗ cung cấp cho các ông Bản di chúc do vợ chồng cụ Đỗ lập ngày 10/4/2006 có nội dung phân chia quyền sử dụng đất thừa số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại: Đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm cho ông Lê Ngọc A và ông Lê Sinh Vương. Đến ngày 02/6/2015, cụ Đỗ trong trạng thái tinh thần minh mẫn, cụ tự nguyện lập di chúc sửa đổi nội dung di chúc ngày 10/4/2006 cụ thể: Toàn bộ phần quyền sử dụng đất của cụ Đỗ trong khối tài sản chung là đất thừa số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại Đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, cụ Đỗ để lại thừa kế cho bà Đỗ Thị Nguyệt và ông Lê Sinh Vương. Các ông với tư cách là người làm chứng đã ghi chép lại ý chí cuối cùng của cụ Đỗ bằng hình thức đánh máy. Sau khi ghi chép lại ý nguyện của cụ Đỗ, ông là người trực tiếp đi in và mang vào Bệnh viện đọc lại nguyên văn cho

cụ Đỗ nghe và cụ đã đồng ý ký, điểm chỉ vào Bản di chúc dưới sự chứng kiến của hai người làm chứng, sau đó bản di chúc được gia đình cử ai đem đến UBND xã Đa Tốn chứng thực các ông không biết.

Do thời điểm di chúc được lập vào hồi 17h đã hết giờ hành chính, các cán bộ nhân viên đã nghỉ nên không thể lấy xác nhận Bệnh viện được. Đồng thời không có mặt y, bác sĩ nào có mặt tại buồng bệnh nên họ không thể làm chứng. Hơn nữa ông và ông Quang đã được cụ Đỗ đề nghị chép lại ý kiến cuối cùng của cụ và chứng kiến cụ ký, điểm chỉ vào Bản di chúc.

Việc ghi chép lại ý nguyện cuối cùng của cụ Đỗ là hoàn toàn khách quan, giữa các ông và gia đình cụ Đỗ không có quan hệ họ hàng với nhau.

### 3/ Ông Trần Minh Hoàng trình bày:

Ông Hoàng không có quan hệ họ hàng gì với cụ Lê Sinh Đỗ và cụ Nguyễn Thị Thanh. Ông làm công tác địa chính tại xã Đa Tốn từ năm 2004 đến năm 2012. Hiện tại ông đang làm cán bộ địa chính tại xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Việc lập di chúc và nội dung di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh cụ thể như thế nào ông không nhớ vì thời gian đã lâu. Ông Hoàng chỉ nhớ khi ông đang làm cán bộ địa chính của xã thì cụ Đỗ và cụ Thanh có đến UBND xã Đa Tốn lập di chúc. Ông Hoàng không nhớ cụ thể nội dung, chỉ nhớ di chúc của hai cụ được lập tại UBND xã có sự chứng kiến của UBND xã. Ông Hoàng không nhớ ai là người viết di chúc nhưng ông thừa nhận cụ Đỗ và cụ Thanh ký và điểm chỉ vào di chúc có sự chứng kiến của ông và ông Nguyễn Văn Tấn khi đó là cán bộ tư pháp của xã. Sau đó đại diện UBND xã Đa Tốn là ông Trần Đức Điền ký xác nhận chữ ký của ông và ông Tấn, của cụ Đỗ và điểm chỉ của cụ Thanh.

Việc ông ký làm chứng trong di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Hoàng đã được Tòa án cho xem Bản di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh lập tại UBND xã Đa Tốn ngày 10/4/2006, ông thừa nhận đúng là Bản di chúc mà ông đã ký với tư cách là người làm chứng, chữ ký trong di chúc đúng là của ông.

### 4/ Ông Nguyễn Quốc Đạt trình bày:

Ông Đạt với cụ Đỗ có quan hệ họ hàng. Ông gọi cụ Đỗ là chú, mẹ cụ Đỗ là em ruột của ông nội của ông.

Ông Đạt làm công tác văn phòng tự nguyện từ năm 2004 đến năm 2010 thì chính thức. Ông khẳng định, ông không biết gì về nội dung di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh, ông không tham gia hay chứng kiến gì về việc lập di chúc của cụ Đỗ, cụ Thanh.

Tòa án cho ông xem bản di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh lập ngày 10/4/2006 có chữ ký của ông. Ông Đạt thừa nhận đúng là chữ ký của ông trong Bản di chúc đó nhưng thực tế là ông không chứng kiến tham gia gì.

Vì thời gian đã lâu nên ông không nhớ ai đã đưa cho ông ký thì ông ký và khi ông ký thì đã có ông Tấn và ông Hoàng ký hay chưa. Ông Tấn và ông Hoàng có làm những việc lập di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh hay không ông không rõ, ông không biết những ai chứng kiến việc lập di chúc.

5/ Ông Nguyễn Văn Tấn trình bày:

Ông Tấn không có họ hàng gì với cụ Lê Sinh Đỗ và cụ Nguyễn Thị Thanh. Cụ Đỗ và cụ Thanh là công dân của xã Đa Tốn. Ông cũng không có quan hệ họ hàng gì với các đương sự trong vụ án.

Ông làm công tác cán bộ tư pháp tại UBND xã Đa Tốn từ năm 2000 đến năm 2011. Vì thời gian đã quá lâu nên ông không nhớ chính xác cụ thể việc lập di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh nhưng ông thừa nhận có ký là người làm chứng trong di chúc của cụ Thanh và cụ Đỗ. Di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh được lập tại UBND xã Đa Tốn và có sự làm chứng của ông là cán bộ tư pháp xã, ông Hoàng là cán bộ địa chính tại thời điểm đó và có xác nhận của chủ tịch UBND xã Đa Tốn là ông Trần Đức Điền. Ông Tấn thừa nhận chữ ký của ông trong di chúc là người làm chứng. Ông không nhớ trình tự thủ tục lập di chúc vì thời gian quá lâu, nhưng ông khẳng định ông làm đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến việc lập di chúc có người làm chứng và có chứng thực.

Sau khi cụ Đỗ và cụ Thanh ký điểm chỉ vào di chúc thì những người làm chứng ký tên sau đó ông Điền mới ký xác nhận. Nội dung di chúc như thế nào ông không nhớ vì thời gian đã quá lâu rồi.

Ông Tấn đã được Tòa án cho xem bản di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh lập ngày 10/4/2006, ông thừa nhận đó là chữ ký của ông trong di chúc với tư cách là người làm chứng.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyệt) xác định vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu chia thừa kế tài sản theo di chúc của cụ Lê Sinh Đỗ và cụ Nguyễn Thị Thanh để lại, yêu cầu được hưởng bằng đất theo như di chúc. Giữ nguyên việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp và tiền bồi thường do thu hồi đất nông nghiệp. Bà Nguyệt đề nghị ghép chung cả kỷ phần của anh Minh, anh Khoa cùng với của bà chung lại thành một thửa đất.

- Với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyệt đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc của cụ Đỗ và cụ Thanh, kỷ phần được hưởng bà cũng xin nhận bằng đất.

- Với tư cách là người đại diện theo ủy của ông Nhật, bà Hằng, bà Nga, anh Long; bà Nguyệt xác định giữ nguyên như ý kiến của người ủy quyền, từ chối không nhận kỷ phần thừa kế nếu theo quy định của pháp luật mà họ được hưởng.

- Bị đơn, ông Ngọc Anh xác định: Dù nguồn gốc đất của gia đình cụ Đỗ để lại, nhưng cụ Đỗ đã đi khỏi nhà từ những năm 1954- 1955 đến ở với bà hai. Việc trông nom quản lý tài sản là do cụ Thanh, sau này cụ Thanh giao lại toàn bộ cho ông quản lý trông nom từ năm 1988. Ông làm các nghĩa vụ với Nhà nước, san lấp, xây kè bờ ao và đóng thuế với nhà nước vì vậy nhà đất là của ông, ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh Minh, anh Khoa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2019/ DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã quyết định:

*1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp và tiền bồi thường do thu hồi đất nông nghiệp của anh Lê Việt K, anh Lê Quang M.*

*Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.*

*2/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:*

*Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị Thanh, cụ Lê Sinh Đỗ lập ngày 10/4/2006 và theo di chúc của cụ Lê Sinh Đỗ lập ngày 02/6/2015.*

*Giao bằng hiện vật cho các bên cụ thể như sau:*

*-Giao cho bà Đỗ Thị Nguyệt, anh Lê Việt K, anh Lê Quang M sử dụng thửa đất diện tích 174 m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Theo sơ đồ đo đạc kèm theo bản án. Phần diện tích được giới hạn bởi các điểm 1.2.3.4.5.6.7.1, cụ thể kích thước như sau:*

*Điểm 1-2 = 6,45m; điểm 2-3 = 4,45m; điểm 3-4 = 16,23m; điểm 4-5 = 1,4m; điểm 5-6= 1,2m; điểm 6-7 = 10,27 m; điểm 7-1 = 13,8m. Tổng diện tích 174m<sup>2</sup>.*

*\*Phần đất giao cho ông Anh: (Theo sơ đồ chia kèm theo bản án)*

*Phần đất còn lại của thửa đất: Diện tích là gồm phần đất ông được chia 221,3 m<sup>2</sup> + 73,5m<sup>2</sup> = 294,7 m<sup>2</sup>, nằm trong thửa số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.*

*- Tạm giao phần đất thừa so với trích lục bản đồ: 50,9m<sup>2</sup> cho ông Lê Ngọc A tiếp tục quản lý đến khi nào có chính sách về quản lý đất đai thì thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. (Theo sơ đồ chia kèm theo bản án)*

*\*Phần đất làm ngõ đi chung: 32,8m<sup>2</sup> (Theo sơ đồ chia kèm theo bản án)*

*Phần ngõ đi từ đất chung ra đường nhựa ( vỉa hè) là 25,6 m<sup>2</sup>*

*Phần ngõ đi theo di chúc giới hạn bởi các điểm:  $2.3.9.7.8.2 = 7,2m^2$*

*\*Về thanh toán tiền chênh lệch tài sản: Ông Lê Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán trả mẹ con bà Đỗ Thị Nguyệt, anh Lê Việt K, Lê Quang M số tiền 511.368.000 đồng.*

Ngoài ra Bản án còn quyết định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền tại giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý, ông Lê Ngọc A kháng cáo Bản án. Đơn kháng cáo của ông Ngọc Anh có nội dung chính: Đối với yêu cầu chia thừa kế của anh Khoa và anh Minh, ông không nhất trí vì toàn bộ thừa đất này bố mẹ ông đã giao cho ông từ năm 1988, đến nay ông vẫn quản lý sử dụng. Ông không đồng ý chia, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Ngọc Anh bổ xung yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét hai bản di chúc có hợp pháp không. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung, bị đơn chỉ là người sử dụng đất và đóng thuế hàng năm, chưa được cấp GCNQSDĐ. Tại sổ sách địa chính của địa phương bị đơn cũng không đứng tên. Bị đơn thừa nhận nguồn gốc đất là của các cụ để lại cho bố bị đơn. Do vậy bị đơn chỉ có công sức trong việc quản lý, tôn tạo đất mà không phải là chủ sử dụng đất được Nhà nước công nhận theo quy định tại Luật đất đai. Trước khi chết bố mẹ bị đơn có lập di chúc để định đoạt tài sản là quyền sử dụng diện tích đất này. Cấp sơ thẩm đã chia thừa kế theo di chúc, đồng thời đã tính công sức quản lý, duy trì tài sản của bị đơn. Do vậy, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, theo sơ đồ chia thừa kế (kèm theo Bản án) thì diện tích giao cho nguyên đơn sát với 1 phần diện tích đất dôi dư so với trích lục (do bị đơn lấn chiếm đất ao). Cấp sơ thẩm tạm giao toàn bộ diện tích dôi dư cho bị đơn là ông Ngọc Anh quản lý sẽ gây khó khăn cho việc quản lý, sử dụng cho cả 2 bên nguyên đơn và bị đơn. Do vậy cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên: Tạm giao cho nguyên đơn quản lý 1 phần diện tích đất dôi dư sát cạnh thửa đất mà nguyên đơn được chia.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

**Về tố tụng**, ông Lê Ngọc A nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là hợp lệ.

**Về nội dung**, xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ông Lê Ngọc A cho rằng toàn bộ thửa đất số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại xã Đa Tốn tranh chấp trong vụ án này ông đã được bố mẹ ông giao cho ông từ năm 1988, đến nay ông vẫn quản lý sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngọc Anh không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh rằng lời khai của ông là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, lời khai của ông Ngọc Anh cũng không được các đương sự khác trong vụ án thừa nhận; hiện tại thửa đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là cụ Nguyễn Thị Thanh. Do đó, không có căn cứ để xác định thửa đất ông Ngọc Anh đang quản lý, sử dụng đã được bố mẹ ông tặng cho từ năm 1988.

Như vậy, tài sản là thửa đất chưa được tặng cho nên Bản án dân sự sơ thẩm xác định thửa đất là di sản thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

### ***Xem xét việc chia thừa kế theo quy định của pháp luật thấy rằng:***

Cụ Lê Sinh Đỗ có vợ thứ nhất là cụ Nguyễn Thị Thanh, đến năm 1960 tiếp tục chung sống với vợ thứ hai là cụ Đỗ Thị Kim Nghi. Cụ Đỗ và cụ Nghi sinh sống với nhau từ năm 1960. Vì vậy, theo điểm a mục 4 Nghị quyết 02/HTTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, thì cụ Thanh và cụ Nghi đều là vợ hợp pháp của cụ Đỗ.

Năm 2003, cụ Đỗ Thị Kim Nghi chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nghi là cụ Lê Sinh Đỗ, ông Lê Tiến Dũng, ông Lê Quang Nhật, bà Lê Minh Hằng, bà Lê Thị Thúy Nga.

Năm 2007, cụ Nguyễn Thị Thanh chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thanh là cụ Lê Sinh Đỗ, ông Lê Ngọc A, ông Lê Sinh Vương

Năm 2015, cụ Lê Sinh Đỗ chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ là ông Lê Ngọc A, ông Lê Sinh Vương, ông Lê Tiến Dũng, ông Lê Quang Nhật, bà Lê Minh Hằng, bà Lê Thị Thúy Nga.

Ông Lê Tiến Dũng chết năm 2014. Có vợ thứ nhất là Nguyễn Thị Thủy đã ly hôn, có 01 con chung là Lê Hải Long. Vợ thứ hai là Nguyễn Thị Hương, đã ly hôn năm 2010. Ông Dũng và bà Hương có hai con chung là Lê Chi Lâm, sinh năm 2006 và Lê Chi Lan, sinh năm 2010. Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Dũng kế thừa



quyền nghĩa vụ của ông Dũng là anh Long, cháu Lâm, cháu Lan. Do cháu Lâm, cháu Lan chưa thành niên nên người đại diện theo pháp luật của hai cháu là mẹ đẻ Nguyễn Thị Hương.

Ông Lê Sinh Vương chết năm 2016, hàng thừa kế thứ nhất của ông Vương kế thừa quyền nghĩa vụ tài sản của ông Vương là bà Đỗ Thị Nguyệt, anh Lê Quang M, anh Lê Việt K.

***Xem xét hiệu lực của các bản di chúc:***

\* ***Di chúc lập ngày 10/4/2006*** là di chúc do cụ Lê Sinh Đỗ và cụ Nguyễn Thị Thanh lập chung để định đoạt tài sản chung vợ chồng: Di chúc được lập tại UBND xã Đa Tốn, có người làm chứng là ông Trần Minh Hoàng (cán bộ địa chính xã Đa Tốn từ 2004- 2012) và ông Nguyễn Văn Tấn (cán bộ tư pháp xã Đa Tốn từ năm 2000 – 2011) xác nhận di chúc được lập hoàn toàn vô tư, khách quan. Những người làm chứng này không có họ hàng thân thích và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 654 của Bộ luật dân sự năm 2005. Bản di chúc này đã có chứng thực của UBND xã Đa Tốn, cùng ngày 10/4/2006. Vì vậy, theo quy định tại Điều 667 của Bộ luật dân sự năm 2005, di chúc này có hiệu lực pháp luật.

\* ***Di chúc lập ngày 02/6/2015*** là di chúc của cá nhân cụ Lê Sinh Đỗ: Di chúc được lập tại Bệnh viện hữu nghị Việt Xô. Theo Công văn số 611/BVHN-CLXH ngày 24/7/2019 (kèm theo tóm tắt hồ sơ bệnh án) do Bệnh viện hữu nghị Việt Xô cung cấp không xác định cụ Đỗ bị mất năng lực hành vi dân sự hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà trong những ngày điều trị, bệnh nhân vẫn tỉnh táo. Các con của cụ Đỗ và cụ Nghi (những người không nhận phần di sản) đều xác định khi đó cụ Đỗ vẫn minh mẫn, bình thường, không bị lẫn. Di chúc có 2 người làm chứng là ông Lâm Văn Quang và ông Ngô Thành Ba. Ông Quang, ông Ba với tư cách là người làm chứng xác nhận đã ghi chép lại ý chí cuối cùng của cụ Đỗ bằng hình thức đánh máy. Sau khi ghi chép lại ý nguyện của cụ Đỗ, ông Ba là người trực tiếp đi in bản di chúc và mang vào Bệnh viện đọc lại nguyên văn cho cụ Đỗ nghe và cụ Đỗ đã đồng ý ký, điểm chỉ vào bản di chúc dưới sự chứng kiến của hai người làm chứng, sau đó bản di chúc được đem đến UBND xã Đa Tốn chứng thực. Tuy nhiên, chứng thực ngày 05/6/2015 không cùng thời điểm lập di chúc mà không có thêm chữ ký mới của cụ Đỗ (chữ ký mới là chữ của cụ Tốn được thực hiện tại thời điểm chứng thực ngày 05/6/2015 tại UBND xã Đa Tốn). Vì vậy, phần chứng thực của UBND xã Đa Tốn không đúng quy định về chứng thực nên phần chứng thực này không có giá trị pháp luật. Do đó, Di chúc lập ngày 02/6/2015 của cụ Đỗ được xác định là di chúc bằng văn bản có người làm chứng phù hợp với quy định tại Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại thời điểm lập di chúc, cụ Thanh đã chết; cụ Đỗ đã lập tiếp di chúc mới để sửa đổi di chúc cũ là di chúc chung của vợ chồng liên quan đến phần tài sản của cá nhân

cụ Đỗ, phân chia lại tài sản của cụ Đỗ cho người hưởng di sản thừa kế. Việc cụ Đỗ lập di chúc có tính chất sửa đổi di chúc chung của vợ chồng này là phù hợp quy định tại Điều 664 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, di chúc mới này của cụ Đỗ có hiệu lực pháp luật.

Như đã trích dẫn và phân tích trên, Di chúc ngày 10/4/2006 và Di chúc ngày 02/6/2015 được lập có đủ điều kiện để xác định là di chúc hợp pháp theo quy định tại điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong vụ án này, phần di sản của cụ Thanh được chia cho thừa kế theo Di chúc lập ngày 10/4/2006; phần di sản của cụ Đỗ được chia theo Di chúc lập ngày 02/6/2015; phần di sản của cụ Nghi không có di chúc được chia thừa kế theo pháp luật. Các thừa kế của cụ Nghi (trừ cụ Đỗ) là ông Lê Quang Nhật, bà Lê Minh Hằng, bà Lê Thị Thúy Nga và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Tiến Dũng là anh Lê Hải Long, cháu Lê Chi Lâm, cháu Lê Chi Lan đều từ chối nhận di sản nên phần di sản của cụ Nghi được chia đều cho các thừa kế còn lại là ông Lê Ngọc A, ông Lê Sinh Vương.

#### ***Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:***

Nguồn gốc thửa đất số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại Đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm là của gia đình cụ Đỗ để lại cho cụ Đỗ. Cụ Thanh và cụ Nghi đều là vợ của cụ Đỗ. Vì vậy, theo Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959: *“Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”*. Do đó, Bản án dân sự sơ thẩm xác định thửa đất này là tài sản chung của 3 cụ Đỗ, cụ Thanh và cụ Nghi, là di sản khi các cụ chết là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm cũng đã xác định công sức trông nom, quản lý, tôn tạo đất của ông Lê Ngọc A; xác định di sản; xác định thời điểm mở thừa kế; xác định người thừa kế; chia thừa kế tài sản phù hợp với di chúc và quy định của pháp luật về thừa kế.

Như đã trích dẫn và phân tích trên, Bản án dân sự sơ thẩm đã căn cứ và áp dụng đúng các quy định của pháp luật hiện hành để xét xử vụ kiện; kháng cáo của ông Lê Ngọc A không có căn cứ, không được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà thấy rằng, diện tích đất dôi dư (đất thừa) so với trích lục bản đồ địa chính là 50,9m<sup>2</sup> nằm dải rác, liền kề với diện tích đất chia cho bà Nguyệt, anh Khoa, anh Minh, ông Ngọc Anh nhưng Bản án dân sự sơ thẩm lại tạm giao toàn bộ diện tích đất thừa này cho ông Ngọc Anh là không phù hợp, khó khăn khi thi hành án; đề nghị này của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở. Do đó, cần chỉnh sửa lại một phần Bản án; cụ thể, bà Nguyệt, anh Khoa, anh Minh, ông Ngọc Anh được tạm sử dụng phần đất thừa (so với trích lục bản đồ) liền kề, thẳng ranh giới phần đất được chia

thừa kế cho đến khi có quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

Án phí phúc thẩm, ông Lê Ngọc A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 228, 271, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 642, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 654, 656, 657 của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

### **Xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2019/ DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, cụ thể như sau:

**1.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế là đất nông nghiệp và tiền bồi thường do thu hồi đất nông nghiệp của anh Lê Việt K, anh Lê Quang M.

Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của nguyên đơn. Chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị Thanh, cụ Lê Sinh Đỗ lập ngày 10/4/2006 và theo di chúc của cụ Lê Sinh Đỗ lập ngày 02/6/2015.

Chia bằng hiện vật thừa đất số 64, tờ bản đồ số 07 diện tích 476m<sup>2</sup> tại Đội 8A, thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội cho các bên (*có sơ đồ kèm theo Bản án*); cụ thể như sau:

- Bà Đỗ Thị Nguyệt, anh Lê Việt K và anh Lê Quang M được sử dụng chung diện tích đất 174m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,1. Cụ thể, kích thước như sau: Điểm 1-2 = 6,45m; điểm 2-3 = 4,45m; điểm 3-4 = 16,23m; điểm 4-5 = 1,4m; điểm 5-6 = 1,2m; điểm 6-7 = 10,27 m; điểm 7-1 = 13,8m.

- Ông Lê Ngọc A được sử dụng phần diện tích đất còn lại 294,8m<sup>2</sup> ; trong đó: Diện tích ông Ngọc Anh được chia thừa kế là 221,3m<sup>2</sup>, diện tích phải thanh toán bằng tiền (trả cho bà Nguyệt, anh Khoa, Minh) là 73,5m<sup>2</sup>.

- Phần đất làm ngõ đi chung có diện tích 32,8m<sup>2</sup>, bao gồm: Phần ngõ đi theo di chúc là 7,2m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm: 8,9,3,2,8 và phần ngõ đi từ đất chung ra đường nhựa (vía hè) là 25,6 m<sup>2</sup>.

- Ông Lê Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán trả bà Đỗ Thị Nguyệt, anh Lê Việt K, Lê Quang M giá trị phần diện tích đất 73,5m<sup>2</sup> bằng tiền là 511.368.000đ (*năm trăm mười một triệu ba trăm sáu tám ngàn đồng*).

- Bà Nguyệt, anh Khoa, anh Minh, ông Ngọc Anh được tạm sử dụng phần đất thừa (so với trích lục bản đồ) liền kề, thẳng ranh giới phần đất được chia thừa kế cho đến khi có quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bà Nguyệt, anh Khoa, anh Minh và ông Ngọc Anh được quyền xây ngăn phần diện tích của mình được chia sử dụng.

### **3. Trách nhiệm do chậm thi hành án.**

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

### **4. Quyền thi hành án dân sự:**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **5. Án phí:**

\* Án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Nguyệt phải chịu 41.105.000đ (*bốn mươi một triệu, một trăm linh năm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Việt K, anh Lê Quang M mỗi người phải chịu 19.062.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.005.000đồng, 10.005.000đồng, 8.373.000đồng theo Biên lai thu số AA/2010/0002933, AA/2010/0002934 ngày 12/5/2017; AA/2010/0003545 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Anh Khoa, anh Minh mỗi người còn phải chịu 4.870.500đ (*bốn triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, năm trăm đồng*).

Ông Lê Ngọc A phải chịu 58.469.000đ (*năm mươi tám triệu, bốn trăm sáu chín ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

\* Án phí phúc thẩm: Ông Lê Ngọc A phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai

thu số AA/2010/0004975 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Viết Văn**